

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 28-02-2022

V/v “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Hồng Vỹ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 30/2021/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TS bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1976; có mặt.

Địa chỉ: Thôn TN, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đắc Th, sinh năm 1973; có mặt.

Địa chỉ: Thôn TN, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị Hạnh, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp TS 1A, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Nh, bà Bùi Thị S; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TN, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đắc Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đắc Th tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định vào ngày 07/12/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, chăn nuôi heo không đạt kết quả thì vợ chồng kinh cãi, ông Th chửi mắng và đánh đập bà. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và cắt đứt quan hệ từ tháng 5/2018. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Đắc Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/12/1997 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/02/2003. Hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Nhà đất thuộc thửa đất số 924, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: TN, BT, TS, Bình Định diện tích 200m² đất ở đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện TS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số vào sổ H00313 ngày 05/02/2007 đứng tên ông Nguyễn Đắc Th, bà Mai Thị H.

Thửa đất số 916, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: TN, BT, TS, Bình Định diện tích 200m² đất ở đã được UBND huyện TS cấp GCNQSDĐ số vào sổ H00052 ngày 26/10/2005 đứng tên ông Nguyễn Đắc Th. Trên đất có xây dựng 01 chuồng heo, 01 giếng nước và tường rào.

Số tiền mặt 100.000.000đ gửi ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (NHNN&PTNT) chi nhánh huyện TS, tỉnh Bình Định ngày 23/5/2018 nhưng ông Nguyễn Đắc Th đã rút hết số tiền.

Vợ chồng không còn tài sản chung nào khác. Ông Th đang quản lý toàn bộ tài sản. Bà yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng theo pháp luật.

Vợ chồng còn nợ bà Bùi Thị H số tiền 20.000.000đ. Bà yêu cầu mỗi người trả cho bà Hạnh 10.000.000đ.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Đắc Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TS, Bình Định vào ngày 07/12/1996. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc quản lý tiền bạc. Bà H và phía gia đình bà H luôn tìm cách lấy tài sản trong gia đình để làm của riêng. Lúc nóng giận ông cũng có đánh bà Hồng 01 tát tai nhưng không có thương tích gì đáng kể. Bà

Hồng đã bỏ nhà đi từ ngày 27/4/2018 âm lịch, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ông đồng ý yêu cầu ly hôn của bà H.

- Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 02 người con là Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/12/1997 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/02/2003. Hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Thửa đất số 916, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: thôn TN, xã BT, huyện TS, Bình Định diện tích 200m² đất ở đã được UBND huyện TS cấp GCNQSDĐ số vào sổ H00052 ngày 26/10/2005 đứng tên ông Nguyễn Đắc Th. Trên đất có xây dựng 01 chuồng heo, 01 giếng nước và tường rào.

Thửa đất số 924, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: thôn TN, xã BT, huyện TS, Bình Định diện tích 200m² đất ở đã được UBND huyện TS cấp GCNQSDĐ số vào sổ H00313 ngày 05/02/2007 đứng tên ông Nguyễn Đắc Th, bà Mai Thị H. Trên đất có xây dựng nhà cấp 4; 01 chuồng heo và tường rào. Ông thống nhất tài sản xây dựng trên đất là tài sản chung vợ chồng. Còn nguồn gốc thửa đất này của cha ông là ông Nguyễn Nh. Ông Nh được xã cho phép xây dựng 01 nhà may và ông Nh cho ông cùng năm 1993. Ông ở trên đất đó làm nghề sửa xe cho đến 1996 kết hôn với bà Mai Thị H. Đất là tài sản riêng của ông nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà H.

Số tiền tiết kiệm 100.000.000đ gửi tại NHNN&PTNT chi nhánh TS, tỉnh Bình Định ngày 23/5/2018: Tại cấp sơ thẩm ông Th không thừa nhận có gửi tiết kiệm số tiền 100.000.000đ cũng như việc rút số tiền này. Nhưng tại cấp phúc thẩm ông Th thừa nhận có gửi và đã rút số tiền 100.000.000đ ngày 14.9.2018 nhưng ông đã chi dùng hết số tiền này, cụ thể: Cho anh T 30.000.000đ để mua xe; ông mua xe 25.000.000đ để sử dụng; còn lại 45.000.000đ nuôi con và mua phân bón. Tiền đã chi dùng hết nên ông không đồng ý chia cho bà H.

Khoản nợ bà Bùi Thị Hạnh 20.000.000đ: Ông xác nhận có nhận của bà H 20.000.000đ, bà H nhận của bà Hạnh 15.000.000đ. Số tiền nhận thừa của bà Hạnh 20.000.000đ. Tại cấp sơ thẩm, ông thừa nhận vợ chồng còn nợ bà Bùi Thị Hạnh 20.000.000đ và thống nhất mỗi người trả bà Hạnh 10.000.000đ. Nhưng tại cấp phúc thẩm ông Th nại bà H nhận sử dụng riêng sau khi vợ chồng ly thân nên bà Hồng có nghĩa vụ trả cho bà Hạnh 20.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Nguyễn Nh, bà Bùi Thị S thống nhất trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 924, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: thôn TN, xã BT, huyện TS, Bình Định diện tích 200m² đất ở đã được UBND huyện TS cấp GCNQSDĐ số vào sổ H00313 ngày 05/02/2007 đứng tên ông Nguyễn Đắc Th, bà Mai Thị H là của ông khai hoang. Năm 1993 ông được UBND xã BT cho phép xây dựng 01 nhà

may trên đất. Cùng năm này, vợ chồng ông đã cho con trai Nguyễn Đắc Th để làm nghề sửa xe (cho miệng chứ không có giấy tờ gì). Nay vợ chồng ông Th, bà H ly hôn, vợ chồng ông không tranh chấp thửa đất này, ông cung cấp thông tin để Tòa án có cơ sở giải quyết vụ án bảo vệ quyền lợi cho con ông là Nguyễn Đắc Th.

2. Bà Bùi Thị Hạnh trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Đắc Th, bà Mai Thị H còn nợ bà 20.000.000đ tiền thanh toán hợp đồng thuê đất. Nay ông Th, bà H ly hôn, bà yêu cầu ông Th và bà H trả lại bà số tiền 20.000.000đ và không yêu cầu gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Bình Định quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị H và ông Nguyễn Đắc Th.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn T sinh ngày 30/12/1997 và Nguyễn Thị T sinh ngày 10/02/2003. Các con chung đều đã trưởng thành, bà H và ông Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

3. Chia tài sản chung:

- Ông Nguyễn Đắc Th được quyền sở hữu, sử dụng:

+ Đất ở diện tích 200m² thuộc thửa đất số 924, tờ bản đồ số 11, tại thôn TN, BT, TS, Bình Định, UBND huyện TS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00313, ngày 05/02/2007. Tài sản xây dựng trên đất: Nhà ở cấp 4, có diện tích 92,25m²; tường rào và lưới B40 dài 10m; chuồng heo có diện tích 76,85m², trị giá 232.883.240đ

+ Tiền mặt: 64.361.600đ.

Tổng cộng giá trị tài sản là hiện vật và tiền mặt ông Th được chia là 297.244.920đồng và hiện ông Th quản lý.

- Bà Mai Thị H được quyền sở hữu, sử dụng:

+ Đất ở diện tích 200m² thuộc thửa đất số 916, tờ bản đồ số 11, diện tích 200m² tại thôn TN, xã BT, huyện TS, Bình Định đã được UBND huyện TS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00052 ngày 26/10/2005; đất có vị trí giới cận: Đông giáp thửa số 933, tây giáp thửa 924, nam giáp đường bê tông, bắc giáp thửa 888. Tài sản và vật kiến trúc xây dựng trên đất: 01 chuồng heo diện tích 72m²; 01 Giếng nước sâu 8m; Tường rào và lưới B40 dài 30m, trị giá 221.606.600đ

+ Tiền mặt: 35.638.320đ, tiền do ông Th giao lại.

Buộc ông Nguyễn Đắc Th có nghĩa vụ giao cho bà Mai Thị H sở hữu sử dụng diện tích đất, tài sản có trên đất thuộc thửa đất số 916, tờ bản đồ số 11 nêu trên.

Đồng thời ông Nguyễn Đắc Th có nghĩa vụ giao tiếp cho bà Mai Thị H Hồng số tiền 35.638.320 đồng về khoản chênh lệch chia tài sản.

4. Về nghĩa vụ trả nợ:

- Bà Mai Thị H có nghĩa vụ trả nợ với số tiền 10.000.000 đồng cho bà Bùi Thị Hạnh.

- Ông Nguyễn Đắc Th có nghĩa vụ trả nợ với số tiền 10.000.000 đồng cho bà Bùi Thị Hạnh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; chi phí định giá và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Đắc Th kháng cáo bản án sơ thẩm phân tài sản, cụ thể: Thửa đất số 924, tờ bản đồ số 11, tại thôn TN, BT, TS, Bình Định diện tích 200m² đất ở đã được UBND huyện TS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00313, ngày 05/02/2007 đứng tên Mai Thị H, Nguyễn Đắc Th là tài sản riêng của ông Th; Không đồng ý trả cho bà Bùi Thị Hạnh 20.000.000đ; Không đồng ý thanh toán lại cho bà H 50.000.000đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đắc Th. Sửa bản án sơ thẩm phân án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa ông Th kháng cáo thửa đất số 916, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: TN, BT, TS, Bình Định, diện tích 200m² đất ở đã được UBND huyện TS cấp GCNQSDĐ số vào sổ H00052 ngày 26/10/2005 đứng tên ông Nguyễn Đắc Th. Xét thấy, ông Th xác định chữ ký tại đơn kháng cáo ngày 01/7/2021 là do ông ký. Nhưng đơn kháng cáo ông Th chỉ kháng cáo thửa đất số 924. Tại phiên tòa ông Th kháng cáo thửa đất số 916 không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, HĐXX không xem xét yêu cầu kháng cáo thửa đất số 916 của ông Th.

[2] Ông Th kháng cáo thửa đất số 924, tờ bản đồ số 11, tại thôn TN, BT, TS, Bình Định diện tích 200m² đất ở đã được UBND huyện TS cấp GCNQSDĐ số vào sổ H00313 ngày 05/02/2007 là tài sản riêng của ông nên không đồng ý chia cho chị H. Xét thấy: Ông Th và vợ chồng ông Nh đều xác định nguyên thủy thửa đất này do ông Nh khai hoang năm 1993 diện tích 100m². Ngày 5/9/1993 ông Nhượng cát quán may trên đất và cho ông Th toàn bộ tài sản này trong năm 1993. Bà H thừa nhận: Ông Th sử dụng thửa đất có 01 quán nhỏ để sửa xe trước khi ông bà kết hôn. Năm 1997 ông bà kết hôn và sử dụng thửa đất này từ năm 1997 cho đến năm 2006 thì xây dựng lại nhà cấp 4, các công trình trên đất. Như vậy, thửa đất số 924 có

nguồn gốc đất của ông Nh, bà S nhưng ông Nh, bà S xác định sau khi cất nhà ông bà đã cho ông Th và không tranh chấp thửa đất này. Quá trình sử dụng ông Th, bà đã sửa chữa, xây dựng quán thành nhà kiên cố. Vợ chồng ông Nh, bà S và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì. Vợ chồng ông Th, bà H đã sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định và ông Th đã tiến hành kê khai thửa đất này. Tại tờ trình số 33/TT-UB ngày 29/10/2001 UBND xã BT xác nhận ông Th, bà H lấn chiếm đất sử dụng từ năm 1997, đủ điều kiện hợp pháp hóa QSD đất ở. Vì vậy, ngày 15/01/2002 UBND huyện TS đã ban hành Quyết định số 31/QĐ-UB về việc hợp pháp hóa quyền sử dụng đất ở của ông Th, bà H. Ngày 05/02/2007 UBND huyện TS cấp GCNQSDĐ thửa đất số 924, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: thôn TN, xã BT, huyện TS, Bình Định diện tích 200m² đất ở số vào sổ H00313 đứng tên ông Nguyễn Đắc Th, bà Mai Thị H. Từ khi được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông Th, bà Hồng cho đến nay ông Th cũng không có ý kiến gì. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 924 là tài sản chung của ông Th, bà H là phù hợp án lệ 03/2016/AL. Và xét nguồn gốc đất chia cho ông Th 06 phần, bà H 04 phần là phù hợp quy định khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Th.

[2] Về khoản nợ bà Bùi Thị Hạnh 20.000.000đ: Ông Th và bà H thừa nhận ông bà ký hợp đồng thuê đất của bà Hạnh. Sau khi hai bên thỏa thuận hủy hợp đồng bà Hạnh đưa ông Th 20.000.000đ, đưa bà H 15.000.000đ. Số tiền nhận dư của bà Hạnh là 20.000.000đ. Tại cấp sơ thẩm ông Th thống nhất mỗi người trả bà Hạnh 10.000.000đ. Nhưng tại cấp phúc thẩm ông Th yêu cầu bà Hồng trả toàn bộ số tiền 20.000.000đ cho bà Hạnh. Xét thấy: Đây là khoản nợ chung từ hủy hợp đồng thuê đất giữa ông Th, bà với bà Hạnh. Vì vậy, ông Th bà H phải có nghĩa vụ chung đối với giao dịch do ông bà cùng xác lập. Ông Th nhận 20.000.000đ, bà H nhận 15.000.000đ. Cấp sơ thẩm xác định buộc ông Th bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hạnh số tiền 20.000.000đ và chia phần ông Th, bà Hồng mỗi người phải trả cho bà Hạnh 10.000.000đ là phù hợp quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình và có lợi cho ông Th.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Th.

[3] Về khoản tiền tiết kiệm 100.000.000đ: Tại cấp sơ thẩm ông Th không thừa nhận có khoản tiền này. Nhưng tại cấp phúc thẩm, ông Th thừa nhận ngày 23/5/2018 ông có gửi tiết kiệm số tiền 100.000.000đ tại NHNN&PTNT chi nhánh huyện TS. Tuy nhiên, ông đã rút và đã chi dùng hết số tiền này. Xét thấy: Khoản tiền tiết kiệm được ông Th gửi trong thời kỳ hôn nhân và ông Th không chứng minh được đây là tài sản riêng nên cấp sơ thẩm xác định số tiền 100.000.000đ là tài sản chung của ông Th, bà H là phù hợp quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Th nài số tiền này đã chi dùng hết, cụ thể: Cho anh Nguyễn Văn T 30.000.000đ mua xe nhưng anh T xác định xe anh mua gồm tiền của ông Th cho

30.000.000đ, bà H cho 20.000.000đ; ông Th mua xe exiter 25.000.000đ, còn 45.000.000đ nuôi con, mua phân bón, nuôi heo. Tuy nhiên, ông Th không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh và tài sản chung vợ chồng nhưng ông Th dùng vào việc gì bà H không được biết. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc ông Th hoàn lại cho bà H 50.000.000đ là phù hợp quy định Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Th.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí phúc thẩm: Ông Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm do cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Th theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

[4.2] Án phí sơ thẩm: Ông Th được chia tài sản trị giá 297.244.920đ, bà Hồng được chia tài sản trị giá 257.244.920đ trong đó: ông Th và bà H mỗi người có trách nhiệm trả nợ cho bà Hạnh số tiền 10.000.000đ.

- Ông Th chịu án phí chia tài sản chung là $297.244.920đ \times 5\% = 14.862.246đ$;

- Bà H chịu án phí chia tài sản chung là $217.244.920đ \times 5\% = 10.862.246đ$.

Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Th phải chịu 15.362.246đ, bà H phải chịu 13.362.246đ án phí chia tài sản là chưa đúng quy định tại điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Th, sửa bản án sơ thẩm phần án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các cứ vào các Điều 27, 29, 33, 37, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Án lệ số 03/2016/AL; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Ông Nguyễn Đắc Th được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 924, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: TN, BT, TS, Bình Định diện tích 200m² đất ở đã được UBND huyện TS cấp GCNQSDĐ số vào sổ H00313, ngày 05/02/2007 và tài sản trên đất (có bản vẽ kèm theo).

Ông Nguyễn Đắc Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Mai Thị H số tiền 35.638.320đ (ba mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Ông Nguyễn Đắc Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị Hạnh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

2. Bà Mai Thị H được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 916, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: TN, BT, TS, Bình Định diện tích 200m² đất ở đã được UBND huyện TS cấp GCNQSDĐ số vào sổ H00052 ngày 26/10/2005 và tài sản trên đất (có bản vẽ kèm theo).

Bà Mai Thị H được ông Nguyễn Đắc Th thanh toán số tiền 35.638.320đ (ba mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Bà Mai Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị Hạnh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí DSPT: Ông Nguyễn Đắc Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006894 ngày 08/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TS.

3.2. Án phí DSST:

- Bà Mai Thị H phải chịu 12.862.246đ (mười hai triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

- Ông Nguyễn Đắc Th phải chịu 14.862.246đ (mười bốn triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

4. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về con chung, án phí ly hôn, chi phí định giá tài sản không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND H.TS;
- CCTHADS H.TS;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thu

**CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Tuấn

Nguyễn Văn Nghĩa

Võ Thị Hồng Thu

